

4. Dùng cụm động từ cho sẵn để hoàn thành câu :

Mẫu : 给我打电话 → [你们]别忘了给我打电话。

- a) 多穿衣服 →
- b) 给我写信 →
- c) 带上照相机 →
- d) 做好练习 →

5. Trả lời câu hỏi :

- a) “我”和玉兰到谁的家去玩儿?
- b) “我们”到他家时,家里有什么人?
- c) 他妈妈和奶奶怎么样接待“我们”?
- d) 他爸爸跟“我们”谈了些什么话?
- e) 到吃饭的时候,“我们”为什么不好意思走?
- f) 在朋友家吃饭,“我们”觉得愉快吗?为什么?

6. Kể về Một lần đến thăm thầy giáo.